

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 3 và
Tiểu dự án 3 của Dự án 10 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã
hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2015; Luật Sửa đổi
bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa
phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính
phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng
bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến
năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính về
việc Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục
tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp
thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu
quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai
đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 05/3/2023 của UBND tỉnh về việc
phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương bổ sung mục tiêu thực hiện
Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và
miền núi và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh về việc
phân bổ kinh phí sự nghiệp, vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình
MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm
2023 trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số
832/SNN-KHTH ngày 27/3/2023 và Sở Tài chính tại Công văn số 139/TTr-STC ngày
30/03/2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ chi tiết kinh phí sự nghiệp thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 3 và Tiểu dự án 3 của Dự án 10 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 với tổng số tiền **59.295 triệu đồng**, cụ thể như sau:

1. Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Tiểu dự án 1 của Dự án 3 với tổng số tiền 59.259 triệu đồng; trong đó:

- Thực hiện năm 2023 là 31.054,630 triệu đồng.
- Trả nợ khối lượng còn thiếu của các năm 2021, 2022: 28.204,370 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 01,02,03 đính kèm)

2. Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Tiểu dự án 3 của Dự án 10, với số tiền 36 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 04 đính kèm)

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương và nguồn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 được phân bổ tại các Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 05/3/2023 và số 671/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh.

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân và Tây Sơn chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được giao đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân và Tây Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục: 01
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2023 CỦA TIÊU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 3
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị/Nội dung hỗ trợ, đầu tư	Kế hoạch thực hiện năm 2023			
		Khối lượng (ha)	Thành tiền (Triệu đồng)	Trong đó	
				Ngân sách trung ương	Đối ứng ngân sách tỉnh
	Tổng cộng	73.335,40	31.054,630	28.952,760	2.101,870
1	Khoản bảo vệ rừng chuyển tiếp	70.707,91	30.262,986	28.283,164	1.979,822
a	Sở Nông nghiệp và PTNT	7.020,00	3.004,560	2.808,000	196,560
-	Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn	7.020,00	3.004,560	2.808,000	196,560
b	Huyện An Lão	15.407,50	6.594,410	6.163,000	431,410
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ An lão	15.407,50	6.594,410	6.163,000	431,410
c	Huyện Hoài Ân	9.731,78	4.165,202	3.892,712	272,490
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ Hoài Ân	9.731,78	4.165,202	3.892,712	272,490
d	Huyện Tây Sơn	8.299,70	3.552,272	3.319,880	232,392
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn	8.299,70	3.552,272	3.319,880	232,392
đ	Huyện Vân Canh	17.509,50	7.494,066	7.003,800	490,266
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ Vân Canh	17.509,50	7.494,066	7.003,800	490,266
e	Huyện Vĩnh Thạnh	12.739,43	5.452,476	5.095,772	356,704
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh	12.739,43	5.452,476	5.095,772	356,704
2	Khoản bảo vệ rừng mới	1.907,00	503,448	381,400	122,048
a	Huyện Vĩnh Thạnh	1.907,00	503,448	381,400	122,048
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh	1.907,00	503,448	381,400	122,048
+	Kinh phí khoán BVR mới	1.907,00	408,098	381,400	26,698
+	Kinh phí lập hồ sơ khoán BVR	1.907,00	95,350		95,350
3	Hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng	720,49	288,196	288,196	
a	Huyện Hoài Ân	720,49	288,196	288,196	
-	Cộng đồng liên thôn xã Đăk Mang	720,49	288,196	288,196	

Ghi chú:

- Định mức khoán bảo vệ rừng 0,4 triệu đồng/ha/năm (theo Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 9/9/2015 của Chính phủ)
- Định mức lập hồ sơ khoán BVR 0,05 triệu đồng/ha (Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính)
- Kinh phí quản lý, kiểm tra nghiệm thu 7%/tổng kinh phí khoán bảo vệ rừng (Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính)

Phụ lục: 02

TRẢ NỢ KHÔI LƯỢNG THỰC HIỆN NĂM 2021, 2022 CỦA TIÊU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 3

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ/đầu tư	Số tiền	Trong đó:		Ghi chú
			Ngân sách trung ương	Đối ứng ngân sách tỉnh	
1	2	3	4	5	7
	TỔNG CỘNG	28.204,370	23.380,240	4.824,130	
1	Năm 2022	537,030	537,030		
a	Huyện Vân Canh	537,030	537,030		
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ Vân Canh	537,030	537,030		
	Năm 2021	27.667,340	22.843,210	4.824,130	
1	Khoản bảo vệ rừng chuyển tiếp	27.667,340	22.843,210	4.824,130	
a	Sở Nông nghiệp và PTNT	2.626,230	1.908,100	718,130	
-	Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn	2.626,230	1.908,100	718,130	
b	Huyện An Lão	5.860,000	4.812,000	1.048,000	
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ An lão	5.860,000	4.812,000	1.048,000	
c	Huyện Hoài Ân	3.786,000	3.278,000	508,000	
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ Hoài Ân	3.786,000	3.278,000	508,000	
d	Huyện Tây Sơn	3.215,000	2.805,000	410,000	
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn	3.215,000	2.805,000	410,000	
đ	Huyện Vân Canh	6.725,000	5.460,000	1.265,000	
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ Vân Canh	6.725,000	5.460,000	1.265,000	
e	Huyện Vĩnh Thạnh	5.455,110	4.580,110	875,000	
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh	5.455,110	4.580,110	875,000	

Phụ lục: 03

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 1 CỦA DỰ ÁN 3

(Kèm theo Quyết định số:

/QĐ-UBND ngày

/ /2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung hỗ trợ/dầu tư	Kinh phí đã phân bổ tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 05/3/2023 và số 671/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh			Đề nghị điều chỉnh tăng (+), giảm (-)			Kinh phí sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng số	Ngân sách trung ương	Đối ứng ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách trung ương	Đối ứng ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách trung ương	Trong đó: thu hồi tạm ứng ngân sách tỉnh	Đối ứng ngân sách tỉnh	
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+12	10	11	12	13
	Tổng cộng	59.259,000	52.333,000	6.926,000	0,000	0,000	0,000	59.259,000	52.333,000	14.985,292	6.926,000	
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị											
	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	59.259,000	52.333,000	6.926,000	-	-	-	59.259,000	52.333,000	14.985,292	6.926,000	
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	59.259,000	52.333,000	6.926,000	(53.628,21)	(47.616,90)	(6.011,31)	5.630,790	4.716,100	14.985,292	914,690	
-	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	59.259,000	52.333,000	6.926,000	(59.259,00)	(52.333,00)	(6.926,00)	0,000	0,000	0,000	0,000	
-	Ban Quản lý rừng đặc dụng An Toàn				5.630,790	4.716,100	914,690	5.630,790	4.716,100	1.485,540	914,690	
2	Huyện An Lão				12.454,410	10.975,000	1.479,410	12.454,410	10.975,000	3.081,500	1.479,410	
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ An lão				12.454,410	10.975,000	1.479,410	12.454,410	10.975,000	3.081,500	1.479,410	
3	Huyện Hoài Ân				8.239,398	7.458,908	780,490	8.239,398	7.458,908	1.946,356	780,490	
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ Hoài Ân				8.239,398	7.458,908	780,490	8.239,398	7.458,908	1.946,356	780,490	
4	Huyện Tây Sơn				6.767,272	6.124,880	642,392	6.767,272	6.124,880	1.659,940	642,392	
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn				6.767,272	6.124,880	642,392	6.767,272	6.124,880	1.659,940	642,392	
5	Huyện Vân Canh				14.756,096	13.000,830	1.755,266	14.756,096	13.000,830	3.522,240	1.755,266	
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ Vân Canh				14.756,096	13.000,830	1.755,266	14.756,096	13.000,830	3.522,240	1.755,266	
6	Huyện Vĩnh Thạnh				11.411,03	10.057,28	1.353,75	11.411,034	10.057,282	3.289,716	1.353,752	
-	Ban Quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh				11.411,03	10.057,28	1.353,75	11.411,034	10.057,282	3.289,716	1.353,752	

Phụ lục: 04

PHÂN BỐ KINH PHÍ GIÁM SÁT THỰC HIỆN TIÊU DỰ ÁN 3 CỦA DỰ ÁN 10 NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng số	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ghi chú
	Sở Nông nghiệp và PTNT	36	31	5	
1	Chi cục Kiểm lâm	30	25	5	
2	Chi cục Phát triển nông thôn	6	6	-	